



Mã số: 251106/3911:1/QTMT/REC

Tp. HCM, ngày 17 tháng 11 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH SAIGON CO-OP FAIRPRICE**2. Địa điểm lấy mẫu: **SIÊU THỊ THỦ ĐỨC CO-OP XTRA**

3. Địa chỉ: : 934 Quốc lộ 1A, Phường Linh Xuân, TP. Hồ Chí Minh

4. Tên mẫu: Nước thải.

Số lượng: 01 mẫu

STT	MÃ SỐ MẪU	KÝ HIỆU/VỊ TRÍ LẤY MẪU
1	NT16.251106	1106/NT/U-COM-LT/1: Đầu vào HTXL nước thải (Tọa độ: X = 1202119; Y = 611944)

5. Ngày lấy mẫu: 06/11/2025

6. Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ/ ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ	QCVN 14:2008/BTNMT Cột B
				NT16.251106	
1	pH ^{(a)(b)}	--	TCVN 6492:2011	8,46	5 - 9
2	BOD ₅ ^(a)	mg/L	SMEWW 5210B:2023	109	50
3	TSS ^(a)	mg/L	TCVN 6625:2000	141	100
4	COD ^(a)	mg/L	SMEWW 5220C:2023	193	--
5	Dầu mỡ ĐTV ^(a)	mg/L	SMEWW 5520.B&F:2023	6,09	20
6	TDS ^{(a)(b)}	mg/L	PPNB01/HDHT/REC	693	1.000
7	S ²⁻ ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023	5,31	4
8	P_PO ₄ ³⁻ ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-PO ₄ ³⁻ .E:2023	4,17	10
9	N_NO ₃ ⁻ ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2023	0,27	50
10	N_NH ₄ ⁺ ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&C:2023	41,6	10
11	Chất hoạt động bề mặt ^(a)	mg/L	SMEWW 5540.B&C:2023	0,93	10
12	Coliform ^(c)	MPN/ 100mL	SMEWW 9221B:2023	3,5x10 ³	5.000

Ghi chú: Cán bộ QC: Dương Hoàng Thanh Thảo**P. Phòng thí nghiệm****Dương Hoàng Thanh Thảo****K.T. Giám Đốc****Tạ Công Uẩn**

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm NC & TV Môi trường (REC).
- Dấu (a): Chỉ tiêu được Vimcerts công nhận; Dấu (b): Chỉ tiêu thực hiện tại hiện trường; Dấu (c): Chỉ tiêu do NTP – Vimcert 292 thực hiện
- Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm



Mã số: 251106/3912:1/QTMT/REC

Tp. HCM, ngày 17 tháng 11 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH SAIGON CO-OP FAIRPRICE**2. Địa điểm lấy mẫu: **SIÊU THỊ THỦ ĐỨC CO-OP XTRA**

3. Địa chỉ: : 934 Quốc lộ 1A, Phường Linh Xuân, TP. Hồ Chí Minh

4. Tên mẫu: Nước thải.

Số lượng: 01 mẫu

STT	MÃ SỐ MẪU	KÝ HIỆU/VỊ TRÍ LẤY MẪU
1	NT17.251106	1106/NT/U-COM-LT/2: Sau HTXL nước thải (Tọa độ: X = 1202117; Y = 611937)

5. Ngày lấy mẫu: 06/11/2025

6. Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ/ ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ	QCVN 14:2008/BTNMT Cột B
				NT17.251106	
1	pH ^{(a)(b)}	--	TCVN 6492:2011	5,54	5 - 9
2	BOD ₅ ^(a)	mg/L	SMEWW 5210B:2023	13	50
3	TSS ^(a)	mg/L	TCVN 6625:2000	< 18,0	100
4	COD ^(a)	mg/L	SMEWW 5220C:2023	22	--
5	Dầu mỡ ĐTV ^(a)	mg/L	SMEWW 5520.B&F:2023	KPH (MDL=1,0)	20
6	TDS ^{(a)(b)}	mg/L	PPNB01/HDHT/REC	425	1.000
7	S ²⁻ ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023	KPH (MDL=0,05)	4
8	P_PO ₄ ³⁻ ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-PO ₄ ³⁻ .E:2023	2,06	10
9	N_NO ₃ ⁻ ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2023	1,12	50
10	N_NH ₄ ⁺ ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2023	1,03	10
11	Chất hoạt động bề mặt ^(a)	mg/L	SMEWW 5540.B&C:2023	KPH (MDL=0,06)	10
12	Coliform ^(c)	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	120	5.000

Ghi chú: Dấu (--): không quy định; KPH: không phát hiện; MDL: giới hạn phát hiện

Cán bộ QC: Dương Hoàng Thanh Thảo

P. Phòng thí nghiệm

Dương Hoàng Thanh Thảo

KT. Giám Đốc

Tạ Công Uẩn

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm NC & TV Môi trường (REC).
- Dấu (a): Chỉ tiêu được Vimcerts công nhận; Dấu (b): Chỉ tiêu thực hiện tại hiện trường; Dấu (c): Chỉ tiêu do NTP – Vimcert 292 thực hiện
- Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm